

**CÔNG TY TNHH KHAI KHOÁNG , KHOÁNG SẢN HƯNG TÍN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHAI KHOÁNG , KHOÁNG SẢN HƯNG TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG TIN MINERAL EXTRACTIVE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUNG TIN EXTRACTIVE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110201005

**3. Ngày thành lập:** 06/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đội 4, thôn Cốc Lương, Xã Tân Hưng, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916846677 - 0913369633 Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết :<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>-Bán buôn gỗ cây, tre, nứa<br>-Bán buôn sơn và véc ni<br>-Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                               | 4663        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299        |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690        |
| 5.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết : -Khai thác đá<br>- Khai thác cát, sỏi<br>-Khai thác đất sét                                                                                                                                                             | 0810(Chính) |
| 6.  | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                                                                                                                                                                          | 0891        |
| 7.  | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                                                                                         | 0892        |
| 8.  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                               | 0899        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                                                                                                                                                                                                            | 0910        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                                                                                                                                                                                                             | 0990        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                          | 4212        |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                              | 4221        |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                   | 4222        |
| 16. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                    | 4223        |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                     | 4229        |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                              | 4291        |
| 19. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                       | 4292        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                            | 4299        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                    | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 38.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                        | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CHỮ VĂN QUANG     | Việt Nam  | Thôn Cổ điển A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | 10.000.000.000        | 26,316    | 001075033046                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN QUANG TUẤN | Việt Nam  | Số 30, phố Dương Quảng Hàm, tổ 17, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 18.000.000.000        | 47,368    | 001079020014                                                                                            |         |
| 3   | NGUYỄN ĐÌNH BAN   | Việt Nam  | Đội 4, thôn Cốc Lương, Xã Tân Hưng, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 10.000.000.000        | 26,316    | 001074027388                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG TUẤN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 19/08/1979

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079020014

Ngày cấp: 16/03/2018      Nơi cấp: *cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 30, phố Dương Quảng Hàm, tổ 17, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 30, phố Dương Quảng Hàm, tổ 17, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội